TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ C** Số: **43**/2022/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *B, ngày 02 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 123/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trương Văn H** (chết ngày 13/12/2021)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

1. Ông Trương Văn Đ; địa chỉ: Số 315/17 Bình C1, phường L, quận B, thành phố C.

2. Bà Trần Thị H1, địa chỉ: Số 248, Tổ 10, khu vực Bình T A, phường L2, quận B, thành phố C.

3. Trương Hoàng A, địa chỉ: Tổ 7, khu vực T, phường Thới Đ, quận B, thành phố C.

4. Trương Thị Tuyết Tr; địa chỉ: Số 101A/BT, khu vực Bình T A, phường L2, quận B, thành phố C.

5. Trương Thị Tuyết K; địa chỉ: Số 101A/BT, khu vực Bình T A, phường L2, quận B, thành phố C.

6. Trương Thị Tuyết Th, địa chỉ: Khu vực Phúc Lộc 1, phường Trung Nh, quận N, thành phố C.

Bị đơn: Ông **Lư Văn K1,** bà **Dương Thị Ch**; địa chỉ: Số 247, Tổ 10, khu vực Bình T A, phường L2, quận B, thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bé D. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị H1**, địa chỉ: Số 248, Tổ 10, khu vực Bình T A, phường L2, quận B, thành phố C.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất thỏa thuận:

- Trong phần đất tranh chấp được ký hiệu (A) có diện tích 110.3m^2, đầu ngoài có cạnh giáp đường GTNT là 3,74m, đầu trong có chiều rộng 1.25m; chiều dài cạnh giáp thửa 281 là 47,07m (13m+34,07m); chiều dài cạnh giáp thửa 284 là 47,82 m (28,61m+19,21m), trong đó:

+ Bị đơn ông Lư Văn K1, bà Dương Thị Ch được quyền sử dụng diện tích 28,8m^2 trong 110,3m^2 đất tranh chấp theo Bản trích đo địa chính số 32/TTKTTNMT nêu trên. Diện tích 28,8m^2 này có vị trí, kích thước được thể hiện trong bảng vẽ ngày 25/7/2022 được ký hiệu là (A) do Tòa án xác nhận.

+ Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Văn H được quyền sử dụng diện tích 81,5m^2 trong 110,3m^2 đất tranh chấp theo Bản trích đo địa chính số 32/TTKTTNMT nêu trên. Diện tích 81,5m^2 này có vị trí, kích thước được thể hiện trong bảng vẽ ngày 25/7/2022 được ký hiệu là (A) do Tòa án xác nhận.

- Vị trí ranh giữa hai thửa đất số 284, tờ bản đồ số 17 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H003066 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 31/5/2007 đứng tên Trương Văn H với thửa đất số 281, tờ bản đồ 17, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS11101 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 15/6/2016 đứng tên Lư Văn K1 như sau:

Tính từ cạnh có chiều dài 47,07m, tiếp giáp với thửa đất số 281 (giấy tên ông Kinh), đầu ngoài (đoạn tiếp giáp đường GTNT) kéo sang thửa 284 (giấy tên ông Hoàng) là 0,74m và đầu trong kéo về thửa 284 là 0,5m.

Các bên có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc điều chỉnh Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định (đính kèm Bản Trích đo địa chính số 32/TTKTTNMT ngày 12/4/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C và Bảng vẽ ngày 25/7/2022 do Tòa án xác nhận).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn được miễn toàn bộ án phí.

- Chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ: Số tiền 8.950.000 đồng. Nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu 4.475.000 đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng số tiền 8.950.000 đồng. Bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 4.475.000 đồng. Bị đơn đã trả xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. B;
- TAND TPCT;
- Chi cục THADS Q. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thúy Quyên